TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2017/DS -PT

Ngày: 05/9/2017

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Son

Bà Đặng Thị Đồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 02 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 66/2016/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị R, sinh năm 1945; địa chỉ cư trú: Số nhà Đ208, ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Văn S, sinh năm 1971. Địa chỉ: D176, ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/11/2012) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành T, sinh năm 1950; địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1933; địa chỉ cư trú: Số 124, ấp Phước Tân 1, xã Phan, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

3.2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Số 71, ấp Ninh Hưng 2, xã Chà Là, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

3.3. Anh Trần Thành C, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Số 634, ấp Phước Tân 2, xã Phan, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

3.4. Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 03, ấp Phước Tân 2, xã Phan, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

3.5. Chị Trần Thị Lệ H, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp Phước Tân 2, xã Phan, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

3.6. Anh Trần Thành N, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số 01, ấp Phước Tân 2, xã Phan, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H, Anh Trần Thành C là Anh Trần Thành N, sinh năm 1968 (Theo giấy ủy quyền ngày 01/01/2016) (Có mặt).

3.7. Anh Võ Thành T, sinh năm 1977 – Có mặt.

3.8. Chị Hà Thị H, sinh năm 1980 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Do có đơn kháng cáo của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L, Anh Trần Thành N, Ông Võ Thành T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bà Võ Thị R, các lời khai của bà R trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà R là anh Phan Văn S tại phiên tòa thể hiện:

Cha mẹ bà là cụ Võ Trầm L (chết 1995) và cụ Nguyễn Thị B(chết năm 2005) sinh được 11 người con, gồm: Võ Thị T (chết năm 1948), không có chồng con; Võ Văn M(chết lúc còn nhỏ); Võ Văn Đ, sinh năm 1933; Võ Thị L (chết năm 1981), bà L có 05

người con, gồm: Trần Thành C, Trần Thị Lệ T, Trần Thị Lệ H, Trần Thành N, Trần Thị Thanh C (chết năm 2013, không có chồng con); Võ Thị N (chết năm 1963), không có chồng con; Võ Văn K và Võ Văn Th (song sinh), chết sau khi sinh; Võ Thị Rạnh, sinh năm 1945; Võ Văn R(chết lúc nhỏ); Võ Thành T, sinh năm 1950 và Võ Thị L, sinh năm 1953.

Sinh thời, cụ L, cụ B có tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 phần đất ruộng diện tích 9.185m^2, đất tọa lạc tại ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế là 9.269,6 m^2); 01 phần đất ruộng diện tích 5.225m^2, đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế là 5.936,5m^2); 01 căn nhà ngói cất trên phần đất thổ cư có diện tích 1.481m^2, tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế 1.405,7 m^2). Khi hai cụ còn sống chưa chia tài sản cho các con, đến khi chết thì không để lại di chúc. Tất cả những tài sản trên đều do Ông Võ Thành T quản lý, sử dụng.

Sau khi bản án phúc thẩm số 206A/2007/PTDS ngày 03/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có hiệu lực thì phần đất tại ấp Long Đ, xã Long Thành B được chia cho 04 người là ông T, bà R, ông Đ và bà L. Hiện nay, bà R được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.710m^2, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.710m^2, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 957,6m^2. Hiện bà R, ông Đ và bà L đang sử dụng các phần đất nêu trên.

Bà R yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ B đối với các tài sản, bao gồm:

- 01 phần đất ruộng diện tích 9.185m^2, đất tọa lạc tại ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế là 9.269,6m^2);

- 01 phần đất ruộng diện tích 5.225m^2, đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo đo đạc thực tế là 5.936,5m^2);

- 01 phần đất thổ cư ngang 18,5m x dài 40m (theo đo đạc thực tế là 730,75m^2), tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (không yêu cầu chia phần có căn nhà thờ ngang 16m x dài 40m).

Bà R yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Ông Võ Thành T trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của anh S về các di sản do cha mẹ ông chết để lại. Tuy nhiên, khi cha mẹ ông chết thì các anh chị em của ông đã họp lại và thống nhất ủy quyền cho ông được thừa kế theo tờ ủy quyền lập ngày 01/02/2000 và tờ di chúc ngày 07/12/2003 nên ông quản lý, sử dụng tài sản của cha mẹ từ trước đến nay, lấy tiền hoa lợi dùng vào việc cúng giỗ hàng năm và tu tạo mồ mã cho gia tộc. Mặt khác, trước đây bà R, ông Đ, bà L, bà L đều được cụ L, cụ B chia tài sản, cụ thể: Bà R được chia 12.000m^2 tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; ông Đ được chia 7.000m^2 tại ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh; Bà L và bà L đều được chia nhưng ông không biết diện tích bao nhiêu. Nay ông không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của bà R, ông Đ, bà L và anh N.

Trong quá trình quản lý, sử dụng di sản của cha mẹ thì ông có tu tạo, sửa chữa căn nhà dùng làm nhà thờ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn Đ trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Võ Trầm L và cụ Nguyễn Thị B, ông thống nhất với lời trình bày của anh S về mối quan hệ huyết thống. Cụ L chết năm 1995, cụ B chết năm 2005, không để lại di chúc. Tài sản chung do cha mẹ để lại ông thống nhất với lời trình bày của anh S và ông T. Từ khi cha mẹ ông chết thì ông T là người quản lý, sử dụng chưa chia cho người con nào. Sau khi bản án phúc thẩm số 206A/2007/PTDS ngày 03/7/2007 có hiệu lực pháp luật, phần đất ruộng ông được chia tại ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.710m^2 và ông đang quản lý sử dụng.

Ông yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ B đối với các tài sản như lời trình bày của anh S.

Ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Bà Võ Thị L trình bày:

Bà thống nhất với yêu cầu của bà R, khi cha mẹ bà chết chưa chia tài sản cho các con. Sau khi bản án phúc thẩm số 206A/2007/PTDS ngày 03/7/2007 có hiệu lực pháp luật thì phần đất ruộng bà được chia tại ấp Long Đ, xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 957,6m^2 và bà đang quản lý, sử dụng.

Bà yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của cụ B đối với các tài sản như lời trình bày của anh S.

Bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Anh Trần Thành N trình bày:

Cha mẹ anh là bà Võ Thị L (chết năm 1981), ông Trần Văn Gặp (chết năm 2001), cha mẹ anh có tất cả 05 người con là Trần Thành C, Trần Thị Lệ T, Trần Thị Lệ H, Trần Thành N và Trần Thị Thanh C (Chết ngày 17/12/2013, không có chồng con). Anh đại diện cho các anh chị em yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế phần tài sản của cụ B (phần của bà L được hưởng) đối với các tài sản như lời trình bày của anh S.

Anh Trần Văn C trình bày:

Cha mẹ anh là bà Võ Thị L (chết năm 1981), ông Trần Văn Gặp (chết năm 2001), cha mẹ anh có tất cả 05 người con gồm: Trần Thành C, Trần Thị Lệ T, Trần Thị Lệ H, Trần Thành N và Trần Thị Thanh C (Chết ngày 17/12/2013, không có chồng con). Anh yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế phần tài sản của cụ B (phần của bà L được hưởng) đối với các tài sản như lời trình bày của anh S.

Chị Trần Thị Lệ T trình bày:

Cha mẹ chị là bà Võ Thị L(chết năm 1981), ông Trần Văn Gặp (chết năm 2001), cha mẹ anh có tất cả 05 người con gồm: Trần Thành C, Trần Thị Lệ T, Trần Thị Lệ H, Trần Thành N và Trần Thị Thanh C (chết ngày 17/12/2013, không có chồng con). Chị yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế phần tài sản của cụ B (phần của bà L được hưởng) đối với các tài sản như lời trình bày của anh S.

Chị Trần Thị Lệ H trình bày:

Cha mẹ chị là bà Võ Thị L (chết năm 1981), ông Trần Văn Gặp (chết năm 2001), cha mẹ anh có tất cả 05 người con là Trần Thành C, Trần Thị Lệ T, Trần Thị Lệ H, Trần Thành N và Trần Thị Thanh C (chết ngày 17/12/2013, không có chồng con). Chị yêu cầu chia tài sản chung phần di sản của cụ L và yêu cầu chia di sản thừa kế phần tài sản của cụ B (phần của bà L được hưởng) đối với các tài sản như lời trình bày của anh S.

Anh Võ Thành T trình bày:

Anh là con của ông T. Năm 2004, anh có xây dựng căn nhà lợp thiết có chiều ngang 05m trên phần đất hiện nay bà R, ông Đ, bà L, anh N yêu cầu chia. Năm 2010, do

nhà bị hư hỏng nên anh sửa chữa lại thành nhà tường. Phần đất này do ông bà nội của anh để lại cho cha anh (ông T) thì cha anh có quyền quyết định. Do căn nhà của anh xây trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án chia đất thì người nào sử dụng đất có căn nhà của anh thì phải trả lại giá trị căn nhà cho anh.

Chị Hà Thị H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh Th.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2016/DS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện H tuyên xử:

Áp dụng Điều 631; Điều 633; Điều 634; Điều 635; Điều 645; Điều 675; Điều 676; Điều 677; Điều 685 Bộ luật Dân sự; điểm a, tiểu mục 2.4, Mục 2 Phần I của Nghị quyết số 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L và Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H, Anh Trần Thành N đối với Ông Võ Thành T về phần di sản của cụ Nguyễn Thị B để lại.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L và Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H, Anh Trần Thành N đối với Ông Võ Thành T về phần di sản của cụ Võ Trầm L để lại.

Ông Võ Văn Đ được quyền sử dụng:

Phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 936,15m^2, giá trị 196.591.500 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất ông Trần Văn Mỹ và đất Út Thao dài 114m.

Tây giáp đất Bà Võ Thị R được chia dài 114m.

Nam giáp đất ông Rúa dài 8,212m.

Bắc giáp lộ 10m dài 8,212m.

Bà Võ Thị R được quyền sử dụng:

Phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 936,15m^2, giá trị 196.591.500 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất ông Đ được chia dài 114m.

Tây giáp đất bà L được chia dài 114m.

Nam giáp đất ông Rúa dài 8,212m.

Bắc giáp lộ 10m dài 8,212m.

Bà Võ Thị L được quyền sử dụng:

Phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 936,15m^2, giá trị 196.591.500 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất bà R được chia dài 114m.

Tây giáp đất anh N, anh Của, chị Thủy, chị Hà được chia dài 114m.

Nam giáp đất ông Rúa dài 8,212m.

Bắc giáp lộ 10m dài 8,212m.

Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N được quyền sử dụng:

Phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 936,15m^2, giá trị 196.591.500 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất bà L được chia dài 114m.

Tây giáp đất ông T được chia dài 114m.

Nam giáp đất ông Rúa dài 8,212m.

Bắc giáp lộ 10m dài 8,212m.

Đất ruộng bà R, ông Đ, bà L và anh N, anh Của, chị Thủy, chị Hà được chia tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh thuộc các thửa số 472, 473, 474, tờ bản đồ số 7.

Ông Võ Thành T được quyền sử dụng:

- Phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 936,15m^2, giá trị 196.591.500 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất anh N, anh Của, chị Thủy, chị Hà được chia dài 114m..

Tây giáp đất của cụ L dài 114m (Hiện ông T quản lý}.

Nam giáp đất ông Rúa dài 8,212m.

Bắc giáp lộ 10m dài 8,212m.

- Phần đất ruộng tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 3.032m^2, đất có tứ cận:

Đông giáp đất ruộng ông Xây.

Tây giáp đường xe (có mương nước).

Nam giáp đất vườn nhà ông Tây.

Bắc giáp đất của cụ L (Hiện ông T quản lý).

Anh Võ Thành T và Chị Hà Thị H được quyền sử dụng:

Phần đất tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, có diện tích 365,375m^2, có tứ cận:

Đông giáp đường đất đỏ dài 9,25m.

Tây giáp nhà bà Võ Thị Kim dài 9,25 m.

Bắc giáp phần đất của cụ L (Hiện ông T quản lý) dài 39m.

Nam giáp đất ông Nguyễn Thanh Bình dài 40m.

Ông Võ Thành T có nghĩa vụ trả lại cho:

Ông Võ Văn Đ với số tiền là 30.320.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Bà Võ Thị R với số tiền là 30.320.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Bà Võ Thị L với số tiền là 30.320.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N với số tiền là 30.320.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Anh Võ Thành T và Chị Hà Thị H có nghĩa vụ trả lại cho:

Ông Võ Văn Đ với số tiền là 18.267.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Bà Võ Thị R với số tiền là 18.267.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Bà Võ Thị L với số tiền là 18.267.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N với số tiền là 18.267.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Ông Võ Thành T với số tiền là 36.534.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Ghi nhận bà R, ông Đ, bà L, anh Của, chị Hà, chị Thủy và anh N không yêu cầu chia cây trái trên đất thổ cư và 07 cây rừng trên đất ruộng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/12/2016, Ông Võ Thành T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L và anh Trần Văn C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H, anh Trần Thanh N đối với ông về phần di sản của cụ Nguyễn Thị B. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông T là hợp pháp.

Ngày 14/12/2016, Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L, Anh Trần Thành N có đơn kháng cáo yêu cầu chia di sản của cụ L và cụ B nhưng chia bằng hiện vật và yêu cầu chia 07 cây rừng trên đất.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông T, thấy rằng:

Ông T thừa nhận các phần đất có diện tích 1.405,7 m^2 (ngang 34,45 m x dài 40m), tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; phần đất có diện tích 5.936,5m^2, đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; phần đất ruộng diện tích 9.269,6m^2, đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh là di sản

của cụ L và cụ B chết để lại. Ông là con út chung sống với cha mẹ nên được cha mẹ cho ông các phần đất trên để quản lý, sử dụng nuôi cha, mẹ, thờ cúng ông bà.

Ông T cung cấp là "tờ giao ký ủy quyền" ngày 01/02/2000; ông Đ, bà R, bà L đã lập giấy ủy quyền giao cho ông phần đất thổ cư trên đất có căn nhà ngói và 8, 3 công đất ruộng. Ngày 07/12/2003, cụ B lập tờ di chúc cho ông T tài sản trên. Xét thấy, nội dung tờ giao ký ủy quyền cho ông T được đứng ra thay quyền thừa kế để tiện việc lập bộ giấy chủ quyền canh tác. Mặt khác, tại thời điểm lập tờ giao ký giấy ủy quyền trên thì cụ B vẫn còn sống; việc ông Đ, bà R, bà L và ông T lập " tờ giao ký ủy quyền" thay mặt cha mẹ định đoạt và giao cho ông T đứng tên các phần đất trên là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi vì số tài sản trên vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ B.

Đối với tờ di chúc ngày 04/7/2006 đứng tên cụ Nguyễn Thị B lập, di chúc có nội dung cụ B cho ông T thừa kế đất thổ cư 35m x 40m và 0,80 ha đất ruộng. Tuy di chúc có điểm chỉ dấu vân tay của cụ B, có chữ ký tên của Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị R, Bà Võ Thị L và người thừa kế Ông Võ Thành T nhưng di chúc không có công chứng chứng thực. Mặt khác, thời điểm lập di chúc cụ B không còn minh mẫn (cụ B không còn minh mẫn từ ngày lập tờ ủy quyền ngày 01/02/2000, giấy ủy quyền do ông T viết ông T ghi cụ B không còn minh mẫn) nên di chúc này không được coi là di chúc hợp pháp theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Do di chúc ông T cung cấp không hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản của cụ B theo quy định của pháp luật là đúng quy định tại Điều 674,675,676 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Xét kháng cáo của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L, các con của bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N) yêu cầu được chia phần di sản của cụ L để lại. Thấy rằng, cụ Võ Trầm L (chết năm 1995) và cụ Nguyễn Thị B(chết năm 2005); đến ngày 04/7/2006 Bà Võ Thị R có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là đã hết thời hiệu khởi kiện (10 năm) yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ L theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 và không đủ điều kiện chia tài sản chung theo hướng dẫn tại điểm a, tiểu mục 2.4, Mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà R, ông Đ, bà L, các con của bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N) đối với phần di sản của cụ L là phù hợp quy định của pháp luật. Đối với tài sản của cụ B thì thời hiệu vẫn còn.

[3] Về khối di sản thừa kế của hai cụ để lại:

Phần đất thổ cư có diện tích 1.405,7 m^2 (ngang 34,45 m x dài 40m), tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh có giá 1.458.433.130 đồng.

Phần đất có diện tích 5.936,5m^2, đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh có giá 2.223.761.000 đồng. Cây rừng trồng trên đất có giá là 7.000.000 đồng.

Phần đất ruộng diện tích 9.269,6m^2, đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh có giá 3.387.188.000 đồng. Cây rừng trồng trên đất có giá là 7.000.000 đồng.

Như vậy, phần di sản của cụ L và cụ B để lại có tổng giá trị 7.076.382.130 đồng.

Phần tài sản của cụ B là ½ tài sản chung của cụ L và cụ B gồm: Phần đất diện tích 4.634,8 m^2, đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh có giá 1.693.594.000 đồng; phần đất diện tích 2.968,25 m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh có giá trị 1.111.880.500 đồng; Phần đất diện tích 702,85 m^2 (chiều ngang 34,45m), ông Đ, bà R, bà L, các con bà L đồng ý để lại 16m ngang trên đất có căn nhà ngói làm nhà thờ không yêu cầu chia, nên chiều ngang còn lại 18,45m. Như vậy, phần di sản của cụ B có ½ tài sản chung là 9,23m ngang, trị giá 383.148.290 đồng. Tổng cộng 3.188.622.790 đồng.

Do di chúc ông T cung cấp không hợp pháp nên di sản của cụ B được chia theo pháp luật.

[4] Hàng thừa kế của cụ Võ Trầm L và cụ Nguyễn Thị B gồm: Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị R, Bà Võ Thị L, Ông Võ Thành T và bà Võ Thị L (bà L chết năm 1981) bà L có con là anh Của, chị Thủy, chị Hà và anh N là những thừa kế thế vị của bà và được hưởng chung phần thừa kế thế vị của bà L được hưởng từ cụ B.

[5] Tài sản của cụ B được chia như sau:

Phần đất diện tích 4.634,8 m^2, đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh có giá 1.693.594.000 đồng; phần đất diện tích 2.968,25 m^2 đất ruộng tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh có giá trị 1.111.880.500 đồng; phần đất diện tích 702,85 m^2 (chiều ngang 34,45m) (ông Đ, bà R, bà L, các con bà L đồng ý để lại 16m ngang trên đất có căn nhà ngói để làm nhà thờ không yêu cầu chia), nên còn lại chiều ngang 18,45m chia ½ là 9,23m ngang, trị giá 383.148.290 đồng. Tổng cộng là 3.188.622.790 đồng. Ông T là người có công sức duy trì di sản nên cần trích cho ông T ½/6 kỷ phần trong khối di sản của cụ B là 265.718.566 đồng là có căn cứ. Nên di sản cụ B còn lại là 3.188.622.790 đồng – 265.718.566 đồng = 2.922.904.224 đồng : 5

người (ông Đ, bà R, ông T, bà L, các con bà L) mỗi người được hưởng là 584.580.844 đồng.

Như vậy, ông Đ, bà R, bà L mỗi người được hưởng 584.580.844 đồng và các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N) hưởng chung một kỷ phần tương đương 584.580.844 đồng. Ông T được hưởng 584.580.844 đồng + 265.718.566 đồng (phần công sức) = 850.299.410 đồng.

[6] Xét kháng cáo của bà R, ông Đ, bà L, các con bà L có anh N là người đại diện yêu cầu chia bằng hiện vật:

Thấy rằng: Đối với phần đất ruộng tọa lạc tại ấp Sân Cu (ấp Long Đ cũ) có diện tích 4.634,8m^2 (tương đương 41,76 mét ngang) trị giá 1.693.594.000 đồng. Hiện ông Đ, bà R, bà L đang quản lý sử dụng nên để cho ông Đ, bà R, bà L tiếp tục sử dụng đất, mỗi người được hưởng 1.544,9 m^2 (tương đương 13,92 mét ngang). Kỷ phần của ông Đ, bà R, bà L mỗi người được hưởng là 584.580.840 đồng x 3 phần (ông Đ, bà R, bà L) = 1.753.742.532 đồng -1.693.594.000 đồng (giá trị 4.634,8 m^2) = 60.148.532 đồng .

Đối với phần đất ruộng tọa lạc tại ấp N có diện tích 2.968,25m^2 trị giá 1.111.880.500 đồng . Chia cho ông T diện tích 1.484,125 m^2, trị giá 555.940.250 đồng và các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N) hưởng chung một kỷ phần diện tích 1.484,125 m^2, trị giá là 555.940.250 đồng. Do các con bà L được hưởng một kỷ phần 584.580.844 đồng - 555.940.250 đồng (giá trị đất) = 28.640.594 đồng. Ông T được hưởng 850.299.410 đồng - 555.940.250 đồng (giá trị đất) = 294.359.160 đồng.

Đối với phần đất thổ cư có căn nhà ngói của cụ L và cụ B để lại; ông T sửa chữa xây dựng lại căn nhà cấp 4A và căn nhà 4C của anh Th (con ông T) và chị Hà xây dựng trên diện tích thực tế 1.405,7 m^2 (tương đương 34,45mét ngang nhưng theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn thì để lại 16 mét ngang trên đất có căn nhà để làm nhà thờ không yêu cầu chia nên (34,45m ngang - 16m ngang =18,45m ngang (734,20 m^2) : 02 phần (cụ B một phần cụ L một phần) = 9,23 mét ngang (tương đương 367,1 m^2) (trong 367,1 m^2 có 150 m^2 x 1.073.286 đồng/m^2 (thổ cư) = 160.992.900 đồng và 217,10 m^2 x 1.023.286 đồng/ m^2 = 222.155.390 đồng (đất cây lâu năm); tổng cộng trị giá 383.148.290 đồng (½ giá trị phần cụ B).

Do diện tích ngang 9,23 mét ngang chia cho 5 phần (ông Đ, bà R, ông T, bà L, các con bà L) thì mỗi kỷ phần có 1,85mét ngang; căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 04/ 2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thì kích thước cạnh của thửa đất tối thiểu là 04m (bốn) mét. Mặt khác, trên diện tích 367,1

m^2 (9,23m ngang) này anh Th, chị Hà đã xây dựng căn nhà tường cấp 4C diện tích 102,0 m^2 do đó cần giao cho anh Th, chị Hà tiếp tục sử dụng đất; anh Th, chị Hà có nghĩa vụ giao tiền (giá trị đất) lại cho: ông Đ, bà R, bà L, ông T, các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N). Cụ thể: giao cho ông Đ, bà R, bà L mỗi người số tiền 20.049.510 đồng và các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N) tổng số tiền 28.640.594 đồng, ông T 294.359.160 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 07 cây rừng nằm trên ½ phần đất là di sản của cụ L nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với cây trái trên đất thuộc phần đất 9,23 mét ngang giao cho anh Th chị Hà tiếp tục sử dụng, các đương sự không yêu cầu nên cần ghi nhận**.**

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị R, Bà Võ Thị L, các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N). Không chấp nhận kháng cáo của Ông Võ Thành T. Không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Về chi phí đo đạc, định giá phúc thẩm: Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L mỗi người phải chịu 3.648.333 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Các con bà L là Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N phải cùng chịu 3.648.333 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Võ Thành T phải chịu 5.306.666 đồng (Năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ghi nhận bà R đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc định giá. Ông Đ, bà L, các con bà L (Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N), Ông Võ Thành T có trách nhiệm trả tiền lại cho bà R.

Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của của Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị R, Bà Võ Thị L, và các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N) nên ông Đ, bà R, bà L và các con bà L không phải chịu án phí phúc thẩm. Do ông T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 631; Điều 633; Điều 634; Điều 635; Điều 645; Điều 675; Điều 676; Điều 677; Điều 685 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị R, Bà Võ Thị L và các con bà L (anh Của, chị Thủy, chị Hà, anh N). Không chấp nhận kháng cáo của Ông Võ Thành T.

Sửa bản án sơ thẩm số 66/2016/DS-ST ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L và Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H, Anh Trần Thành N đối với Ông Võ Thành T về phần di sản của cụ Nguyễn Thị B để lại.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L và Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H, Anh Trần Thành N đối với Ông Võ Thành T về phần di sản của cụ Võ Trầm L để lại.

Ông Võ Văn Đ được quyền sử dụng:

Phần đất thuộc một phần thửa 472, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02631/07 cấp ngày 28/11/2008 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho Ông Võ Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất, có diện tích 1.544,9 m^2, giá trị 564.531.333 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 188 dài 54,48m+ 59,68m;

Tây giáp đất Bà Võ Thị R được chia dài 115,85m;

Nam giáp đất ông Toàn dài 12,86m;

Bắc giáp đường Sân Cu (đường nhựa) dài 13,92m.

Bà Võ Thị R được quyền sử dụng:

Phần đất thuộc thửa 472, một phần thửa 473, tờ bản đồ số 27 đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02631/07 cấp ngày 28/11/2008 do Ông Võ Văn Đ đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02632/07 cấp ngày 28/11/2008 do Bà Võ Thị R đứng tên quyền sử dụng đất có diện tích 1.544,9 m^2, giá trị 564.531.333 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất ông Đ được chia dài 115,85m;

Tây giáp đất bà L được chia dài 116,75m;

Nam giáp đất ông Toàn dài 10,70m + 1,97m + 0,18m (12,85m);

Bắc giáp đường Sân Cu (đường nhựa) dài 12,84+1,08m (13,92m).

Bà Võ Thị L được quyền sử dụng:

Phần đất thuộc một phần thửa 472, 473, 474 và một phần các thửa 199, 235, 246, tờ bản đồ số 27 đất tọa lạc tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận số H02632/07 cấp ngày 28/11/2008 do Bà Võ Thị R đứng tên quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02630/07 cấp ngày 28/11/2008 do Bà Võ Thị L đứng tên quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00129 QSDĐ/D8 cấp ngày 15/5/1992 do cụ Võ Trầm L đứng tên quyền sử dụng đất, có diện tích 1.544,9 m^2, giá trị 564.531.333 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp đất bà R được chia dài 116,75m;

Tây giáp đất giáp ông T đang sử dụng cụ Võ Trầm L đứng tên QSDĐ (phần đất còn lại chưa chia) dài 117,64m;

Nam giáp đất ông Toàn dài 12,46m (8,16m+ 4.3m);

Bắc giáp đường Sân Cu (đường nhựa) dài 13,9m (2.16m+ 8,4m+3.36m).

Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N được quyền sử dụng:

Phần đất gồm một phần của các thửa 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1725 tờ bản đồ số 12 đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01003QSDĐ/321/1998/QĐ UB (H) cấp ngày 21/11/1998 do Ông Võ Thành T đứng tên quyền sử dụng đất, có diện tích 1.484,1 m^2, giá trị 555.940.250 đồng, đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 205 tờ bản đồ số 27 dài 19,81m (7,22 m + 9,18 m + 3,41 m).

Tây giáp đường dài 13,60 m.

Nam giáp đất chia cho ông T dài 86,55 m.

Bắc giáp đất ông T đứng tên (phần còn lại chưa chia) dài 92,38 m.

Đất ruộng bà R, ông Đ, bà L và anh N, anh Của, chị Thủy, chị Hà được chia tại ấp Sân Cu (thuộc ấp Long Đ cũ), xã Long Thành B, huyện H, tỉnh Tây Ninh thuộc các thửa số 472, 473, 474, tờ bản đồ số 7.

Ông Võ Thành T được quyền sử dụng:

- Phần đất gồm một phần của các thửa 1701,1702,1703,1704,1705,1725 tờ bản đồ đất tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01003QSDĐ/321/1998/QĐ UB (H) cấp ngày 21/11/1998 do Ông Võ Thành T đứng tên quyền sử dụng đất, có diện tích 1.484,1 m^2, giá trị 555.940.250 đồng đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 214, tờ bản đồ số 27 dài 0,9m + 6,5m + 14,66m;

Tây giáp đất đường nhựa dài 13,60 m;

Nam giáp thửa 225, tờ bản đồ số 26 dài 61,49m+17,42 m;

Bắc giáp đất chia cho Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N dài 86,55 m.

Anh Võ Thành T và Chị Hà Thị H được quyền sử dụng:

Phần đất một phần thửa 71, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01343 do UBND huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 03/01/2006 cho Ông Võ Thành T và cụ Nguyễn Thị Bđứng tên quyền sử dụng đất có diện tích 367,1m^2 (trong 367,1 m^2 có 150 m^2 và 217 m^2 đất cây lâu năm) trị giá 383.148.290 đồng có tứ cận:

Đông giáp ông Ngô Thanh Bình dài 39,72m;

Tây giáp đất còn lại ông T đang quản lý dài 39,83m;

Bắc giáp đường đất dài 9,23m;

Nam giáp bà Võ Thị Kim 9,23m;

Trên đất có: 01 căn nhà cấp 4C diện tích 102,0m^2; mái che 1 là 22,0 m^2 , mái che 2 là 8 m^2, nhà tạm 17,0 m^2 của anh Th, chị Hà xây cất.

Anh Võ Thành T và Chị Hà Thị H có nghĩa vụ trả lại cho:

- Ông Võ Văn Đ với số tiền là 20.049.510 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm mười đồng).

- Bà Võ Thị R với số tiền là 20.049.510 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm mười đồng).

- Bà Võ Thị L với số tiền là 20.049.510 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm mười đồng).

- Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N với tổng số tiền là 28.640.594 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng).

- Ông Võ Thành T số tiền 294.359.160 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu ba trăm năm chín nghìn một trăm sáu mươi đồng).

Ghi nhận bà R, ông Đ, bà L, anh Của, chị Hà, chị Thủy và anh N không yêu cầu chia cây trái trên đất thổ cư và đất cây lâu năm.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

2. Về chi phí đo đạc, định giá phúc thẩm: Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L mỗi người phải chịu 3.648.333 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Các con bà L (Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N) phải tổng cộng 3.648.333 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Ông Võ Thành T phải chịu 5.306.666 đồng (Năm triệu ba trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà R nộp tiền chi phí đo đạc định giá . Tòa án đã nộp chi phí xong nên ông Đ, bà L, các con bà L (Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N), ông T có trách nhiệm trả tiền lại cho bà R.

3. Về án phí dân sự :

3.1 Án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị R phải chịu 27.383.233 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà R đã nộp 2.900.000 đồng theo biên lai thu số 0000564 ngày 04/7/2006, số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu số 0003329 ngày 05/10/2006, số tiền 3.795.000 đồng theo biên lai thu số 0028387 ngày 22/7/2008 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 009792 ngày 28/3/2011; các biên lai trên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà Võ Thị R còn phải nộp tiếp số tiền 18.138.233 đồng (Mười tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Ông Võ Văn Đ phải chịu 27.383.233 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí ông Đ đã nộp 2.900.000 đồng theo biên lai thu số 0000684 ngày 24/7/2006, 50.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu số 0003330 ngày 05/10/2006, 3.795.000 đồng theo biên lai thu số 0028388 ngày 22/7/2008 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 009793 ngày 28/3/2011; các biên lai trên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ông Đ còn phải nộp tiếp số tiền 18.138.233 đồng (Mười tám triệu một trăm ba mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Bà Võ Thị L phải chịu 27.383.233 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 2.900.000 đồng theo biên lai thu số 0000685 ngày 24/7/2006, 1.121.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu số 0028389 ngày 22/7/2008 và 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 009794 ngày 28/3/2011; các biên lai trên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà Võ Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 20.862.233 đồng (Hai mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N phải chịu 27.383.233 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Của đã nộp 5.400.000 đồng theo biên lai thu số 0003274 ngày 04/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh Của, chị Thủy, chị Hà và anh N còn phải nộp tiếp số tiền 21.983.233 đồng (Hai mươi mốt triệu chín trăm tám mươi ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Ông Võ Thành T phải chịu 37.508.982 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn chín trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 50.000 đồng theo biên lai thu số 0003345 ngày 06/10/2006. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 37.458.982 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn chín trăm tám mươi hai đồng).

3.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị R, Ông Võ Văn Đ, Bà Võ Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả lại cho Bà Võ Thị R số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003479 ngày 14/12/2016; trả cho Ông Võ Văn Đ số tiền 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003475 ngày 14/12/2016; trả cho Bà Võ Thị L số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003477 ngày 14/12/2016; trả cho Anh Trần Thành C, Chị Trần Thị Lệ T, Chị Trần Thị Lệ H và Anh Trần Thành N số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003476 ngày 14/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Ông Võ Thành T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003462 ngày 12/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Ông Võ Thành T còn phải nộp tiếp số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hồng Vân

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**